



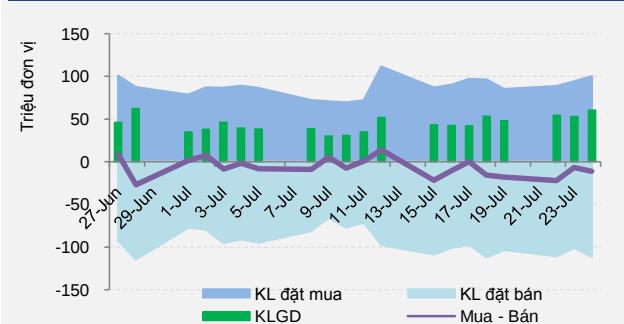
## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 24/7/2013

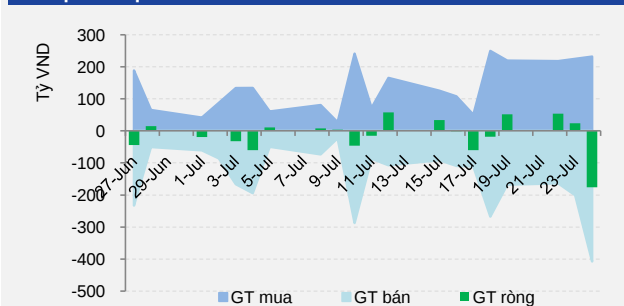
| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 494.2       | 62.2       |
| % Thay đổi          | ↓ -2.0%     | ↓ -1.3%    |
| KLGD (CP)           | 60,419,850  | 23,457,493 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 1,398.79    | 187.71     |
| Tổng cung (CP)      | 111,305,820 | 50,819,400 |
| Tổng cầu (CP)       | 100,121,140 | 39,968,700 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX       |
|-------------------|-----------|-----------|
| KL bán (CP)       | 8,527,680 | 2,454,100 |
| KL mua (CP)       | 4,186,780 | 1,161,100 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 231.82    | 12.96     |
| GT bán (tỷ đồng)  | 407.39    | 20.02     |
| GT ròng (tỷ đồng) | (175.57)  | (7.06)    |

## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -1.46%   | 7.2  | 1.6 | 2.0%  |
| Công nghiệp         | ↓ -1.12%   | 24.5 | 1.0 | 10.9% |
| Dầu khí             | ↓ -2.50%   | 5.9  | 1.3 | 3.5%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↓ -0.81%   | 9.8  | 1.8 | 0.7%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↓ -1.43%   | 8.6  | 2.7 | 2.0%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↓ -2.46%   | 15.4 | 5.2 | 22.6% |
| Ngân hàng           | ↓ -1.41%   | 7.2  | 1.4 | 4.4%  |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -1.44%   | 8.6  | 2.0 | 10.4% |
| Tài chính           | ↓ -1.25%   | 27.7 | 2.9 | 34.5% |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↓ -2.87%   | 9.9  | 3.5 | 9.0%  |
| VN - Index          | ↓ -2.00%   | 14.3 | 3.1 | 88.3% |
| HNX - Index         | ↓ -1.27%   | 23.4 | 1.5 | 11.7% |

| Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE | Mua     | %    | Bán     | %    |
|-------------------------------------------|---------|------|---------|------|
| KLGD (CP)                                 | 935,840 | 1.6% | 447,910 | 0.7% |
| GTGD (tỷ VND)                             | 11,369  | 0.8% | 10,610  | 0.8% |

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

**Nhận định:** Thị trường giảm điểm mạnh trên hai sàn với thanh khoản tăng so với phiên trước. Chỉ số VN-Index giảm điểm mạnh hơn trước tác động của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (MSN, BVH, VNM) sau vài phiên tăng nóng. Chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ hơn tuy nhiên diễn biến giao dịch vẫn khá âm ảm.

Chỉ số Vn-Index đã đánh mất mốc 500 điểm sau một thời gian dài đi lên mà không có sự gia tăng của dòng tiền, thể hiện qua khối lượng giao dịch không tăng đáng kể. Nhiều khả năng thị trường sẽ không tiếp tục giảm mạnh mà chuyển sang biến động trong vùng 490 - 500 điểm, do đây là vùng đan xen của các đường hỗ trợ ngắn và trung hạn. Chỉ số HNX-Index hiện vẫn nằm trong vùng tích lũy 62-63 điểm. Tuy nhiên với phiên giảm điểm mạnh hôm nay, xu thế đi ngang của chỉ số này trong gần 2 tuần qua đã bị phá vỡ và có khả năng sẽ tiếp tục giảm xuống vùng thấp hơn. Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

- VN-Index giảm mạnh 10.11 điểm (-2%), đóng cửa ở 494.18 điểm với thanh khoản tăng khá.

- HNX-Index cũng có một phiên giảm điểm mạnh 0.8 điểm (-1.27%) và đóng cửa ở mức gần thấp nhất phiên là 62.19 điểm, KLGD tăng nhẹ.

- Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số CPI tháng 7 tăng 0.27% so với tháng 6, đưa chỉ số CPI 7 tháng đầu năm tăng 2.68% so với đầu năm, và tăng 7.29% so với cùng kỳ năm 2012. CPI so cùng kỳ khá cao do tác động của mức tăng mạnh của chỉ số giá tiêu dùng tháng 9-10/2012 (với mức tăng lần lượt là 2.2% và 0.85%), sau động thái điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế. Chỉ số CPI những tháng còn lại trong Q3 dự kiến vẫn ở con số dương, khi từ 1/8, Hà Nội sẽ điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế, TP. Hồ Chí Minh điều chỉnh học phí từ tháng 9, cũng như áp lực của khả năng tăng giá điện. Tuy nhiên dự kiến giá tiêu dùng sẽ chưa có mức tăng đột biến do sức mua toàn thị trường còn chậm cải thiện. Chỉ số CPI so cùng kỳ dự kiến sẽ tạo đỉnh trong tháng 8.

- Chỉ số CPI so cùng kỳ tăng trên 7% là mức khá cao so với lãi suất huy động của hệ thống Ngân hàng. Hiện lãi suất huy động các kỳ hạn từ 1 tháng trở lên của Vietcombank trong khoảng 5-7.75%, trần lãi suất huy động của Vietinbank chỉ là 7%, do thanh khoản dồi dào từ khoản tiền thu được từ việc mua cổ phiếu của BTMU. Kết hợp với diễn biến tăng khá nóng của lãi suất liên Ngân hàng, có thể xuất hiện quan ngại về khả năng lãi suất huy động trên thị trường 1 sẽ được điều chỉnh tăng, từ đó gây khó khăn hơn đối với việc giảm lãi suất tín dụng. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng áp lực này chưa nhiều do 1/ mức tăng CPI so cùng kỳ sẽ giảm xuống sau khi tác động từ hai tháng CPI tăng đột biến trong năm 2012 được loại trừ; 2/ thanh khoản của nhóm các Ngân hàng lớn rất dồi dào; 3/ việc dịch chuyển dòng vốn giữa các Ngân hàng tận dụng chênh lệch lãi suất hiện rất hạn chế.

- Ngày 23/7, Bộ Tài chính đã ban hành Dự thảo Thông tư hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam VAMC. Ngoài việc mua nợ xấu, VAMC còn được sử dụng vốn để đầu tư ra ngoài (không thông qua việc mua bán nợ và tài sản). Việc đầu tư được thực hiện dưới các hình thức: 1/ gửi tiền tại các ngân hàng; 2/ tham gia góp vốn, mua cổ phần (theo phương án được duyệt) để cơ cấu lại tài chính và hoạt động của khách hàng; 3/ sửa chữa, nâng cấp tài sản đảm bảo đã được VAMC thu nợ.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Tăng        | Giảm             | Đi ngang           |

#### Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày  
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần  
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay khi mất 10.11 điểm (-2%) và đóng cửa ở mức 494.18 điểm. Đây cũng gần là mức thấp nhất của chỉ số này trong phiên hôm nay

- KLGD tăng lên nhiều hơn so với phiên trước do lượng cầu giá thấp được bên bán thỏa mãn

- Chỉ báo RSI của chỉ số VN-Index giảm mạnh trở lại về dưới 50 điểm.

- VN-Index tạo thành một cây nến đen dài trong phiên hôm nay cho thấy tâm lý của NGĐT khá bi quan

**Nhận định:** Chỉ số Vn-Index đã đánh mất mốc 500 điểm sau một thời gian dài đi lên mà không có sự hỗ trợ của dòng tiền thể hiện qua khối lượng giao dịch không tăng đáng kể. Tuy nhiên nhiều khả năng thị trường sẽ không tiếp tục giảm mạnh mà chuyển sang biến động trong vùng 490 - 500 điểm do đây là vùng đan xen của các đường hỗ trợ ngắn và trung hạn. Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu để tránh các rủi ro ngắn hạn trong giai đoạn này.

### HNX-INDEX



## LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ có tăng trưởng lợi nhuận Q2.2013 cao nhất, 10 cổ phiếu có KQKD 6 tháng tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ, 10 cổ phiếu có KQKD 6 tháng đầu năm hoàn thành kế hoạch năm 2013 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

### TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

| STT | Mã  | LNST Q2 (tỷ) | % so Q2.2012   | 6T/2013 (tỷ) | % so 6T/2012 | % so KH 2013 | BVPS (VND) | EPS (VND) | P/E    | P/B  | ROA (%) | ROE (%) |
|-----|-----|--------------|----------------|--------------|--------------|--------------|------------|-----------|--------|------|---------|---------|
| 1   | TVD | 12.2         | <b>5709.5%</b> | 24.37        | 47.9%        | N/A          | 14,133     | 782       | 11.63  | 0.64 | 1.29    | 5.89    |
| 2   | VDS | 5.01         | <b>4454.5%</b> | 5.14         | 55.8%        | 27.4%        | 6,885      | (737)     | -4.88  | 0.52 | -3.18   | -10.65  |
| 3   | HLC | 4.63         | <b>898.3%</b>  | 11.59        | -18.9%       | 44.9%        | 13,327     | 7,984     | 1.3    | 0.78 | 6.08    | 51.83   |
| 4   | KMR | 6.8          | <b>729.3%</b>  | 2.03         | 88.0%        | 16.4%        | 12,998     | 110       | 23.74  | 0.2  | 0.64    | 0.91    |
| 5   | HTL | 7.41         | <b>728.0%</b>  | 7.94         | 756.2%       | 157.2%       | 11,413     | 1,561     | 4.48   | 0.61 | 8.27    | 14.15   |
| 6   | FDT | 4.87         | <b>453.4%</b>  | 5.05         | 372.0%       | N/A          | 15,615     | 197       | 146.89 | 1.85 | 0.4     | 1.19    |
| 7   | TIC | 4.64         | <b>445.9%</b>  | 4.79         | 409.6%       | 18.3%        | 9,363      | 1,452     | 6.34   | 0.98 | 13.91   | 13.95   |
| 8   | VIT | 9.86         | <b>379.3%</b>  | 0.64         | 102.8%       | 7.3%         | 11,505     | 1,352     | 3.85   | 0.45 | 2.38    | 12.25   |
| 9   | KLS | 26.47        | <b>329.6%</b>  | 77.45        | 55.0%        | N/A          | 12,626     | 244       | 34.81  | 0.67 | 1.85    | 1.95    |
| 10  | NDN | 5.97         | <b>311.7%</b>  | 6.64         | 137.1%       | 53.4%        | 11,343     | 988       | 6.08   | 0.53 | 2       | 8.59    |

### TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

| STT | Mã  | LNST Q2 (tỷ) | % so Q2.2012 | 6T/2013 (tỷ) | % so 6T/2012   | % so KH 2013 | BVPS (VND) | EPS (VND) | P/E   | P/B  | ROA (%) | ROE (%) |
|-----|-----|--------------|--------------|--------------|----------------|--------------|------------|-----------|-------|------|---------|---------|
| 1   | VE4 | 0.28         | 203.7%       | 0.77         | <b>862.50%</b> | 81.9%        | 14,811     | 1,855     | 4.7   | 0.59 | 5.52    | 12.66   |
| 2   | HTL | 7.41         | 728.0%       | 7.94         | <b>756.20%</b> | 157.2%       | 11,413     | 1,561     | 4.5   | 0.61 | 8.27    | 14.15   |
| 3   | DHC | 1.67         | 148.1%       | 7.15         | <b>603.52%</b> | 42.0%        | 13,716     | 402       | 18.9  | 0.55 | 1.38    | 3.01    |
| 4   | CYC | 5.86         | 246.7%       | 6.9          | <b>496.55%</b> | 69.0%        | 11,933     | 1,077     | 2.9   | 0.26 | 2.85    | 9.04    |
| 5   | SCL | 0.73         | 118.3%       | 9.15         | <b>432.73%</b> | 55.0%        | 13,157     | 136       | 47.1  | 0.49 | 0.46    | 1.07    |
| 6   | TIC | 4.64         | 445.9%       | 4.79         | <b>409.57%</b> | 18.3%        | 9,363      | 1,452     | 6.3   | 0.98 | 13.91   | 13.95   |
| 7   | FDT | 4.87         | 453.4%       | 5.05         | <b>371.96%</b> | N/A          | 15,615     | 197       | 146.9 | 1.85 | 0.40    | 1.19    |
| 8   | PCG | 5.03         | 230.9%       | 6.05         | <b>350.00%</b> | N/A          | 11,267     | 795       | 6.4   | 0.45 | 4.00    | 7.05    |
| 9   | SVT | 1.41         | 236.9%       | 1.44         | <b>242.57%</b> | 24.5%        | 11,692     | 268       | 27.6  | 0.63 | 1.93    | 2.37    |
| 10  | HAR | 6.91         | 218.4%       | 9.28         | <b>190.91%</b> | 15.9%        | 10,738     | 448       | 37.0  | 1.55 | 3.62    | 4.42    |

### TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

| STT | Mã  | LNST Q2 (tỷ) | % so Q2.2012 | 6T/2013 (tỷ) | % so 6T/2012 | % so KH 2013  | BVPS (VND) | EPS (VND) | P/E   | P/B  | ROA (%) | ROE (%) |
|-----|-----|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|------------|-----------|-------|------|---------|---------|
| 1   | BSI | 1.66         | -93.9%       | 4.07         | -92.63%      | <b>179.3%</b> | 7,880      | (345)     | -10.5 | 0.46 | (1.97)  | (4.35)  |
| 2   | TTC | 5.07         | 49.1%        | 7.06         | 60.45%       | <b>170.9%</b> | 11,546     | 1,816     | 4.7   | 0.74 | 8.51    | 16.91   |
| 3   | HTL | 7.41         | 728.0%       | 7.94         | 756.20%      | <b>157.2%</b> | 11,413     | 1,561     | 4.5   | 0.61 | 8.27    | 14.15   |
| 4   | SEC | 10.86        | -49.3%       | 42.9         | -11.38%      | <b>137.5%</b> | 15,122     | 3,402     | 5.5   | 1.24 | 9.30    | 23.46   |
| 5   | BTP | 23.28        | -66.0%       | 70.4         | 25.11%       | <b>130.9%</b> | 15,898     | 2,333     | 6.6   | 0.97 | 6.80    | 14.42   |
| 6   | VND | 69.88        | 135.6%       | 97.16        | 61.74%       | <b>128.3%</b> | 12,005     | 1,160     | 7.7   | 0.74 | 6.74    | 10.21   |
| 7   | VPK | 14.83        | 18.5%        | 26.26        | 10.01%       | <b>119.4%</b> | 17,978     | 6,389     | 5.0   | 1.77 | 25.94   | 36.79   |
| 8   | PGD | 81.44        | -71.4%       | 142.79       | -62.74%      | <b>110.3%</b> | 24,424     | (1,605)   | -17.8 | 1.17 | (2.96)  | (6.77)  |
| 9   | SZL | 9.94         | 13.1%        | 19.19        | 14.91%       | <b>102.3%</b> | 24,706     | 2,649     | 4.5   | 0.49 | 4.47    | 9.61    |
| 10  | CLC | 19.53        | 95.5%        | 37.04        | 134.43%      | <b>98.8%</b>  | 19,617     | 5,338     | 3.9   | 1.06 | 12.37   | 28.53   |

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

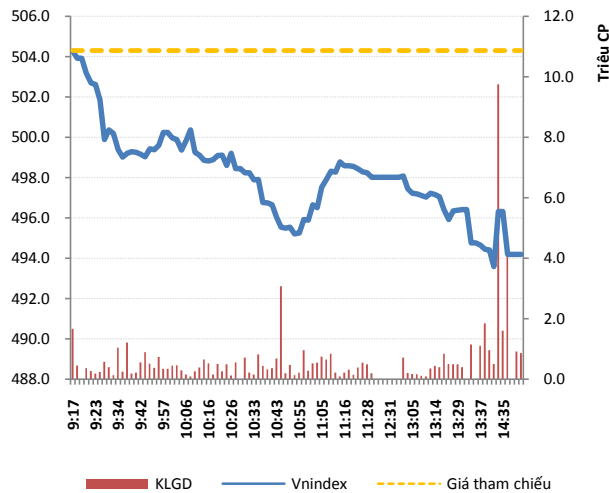
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 24/07/2013.

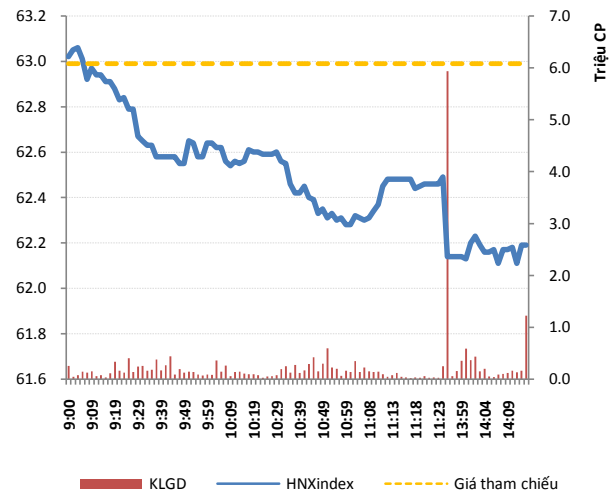


## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

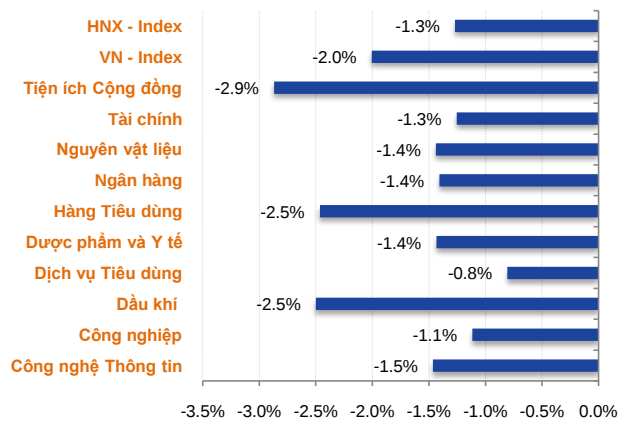
### KLGD và VN-Index trong phiên



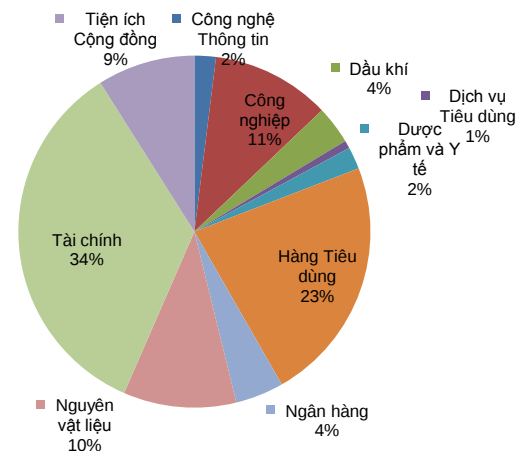
### KLGD và HNX-Index trong phiên



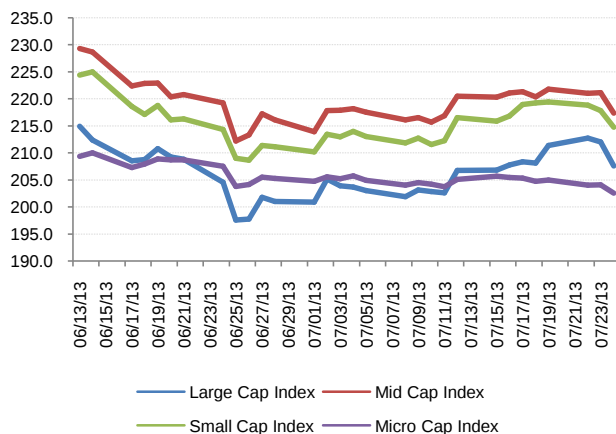
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



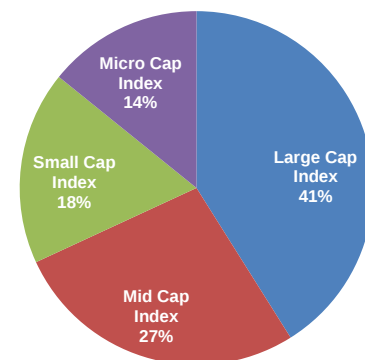
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | KHP   | 95,940      | VIC   | 1,571,020   |
| 2  | HPG   | 84,190      | EIB   | 824,770     |
| 3  | DIG   | 77,430      | OGC   | 523,630     |
| 4  | BMI   | 76,800      | HAG   | 443,980     |
| 5  | HAR   | 60,610      | DRC   | 296,370     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | PVS   | 232,600     | KLS   | 858,600     |
| 2  | STL   | 221,600     | PVX   | 317,800     |
| 3  | APS   | 150,000     | SCR   | 288,600     |
| 4  | PGS   | 130,800     | SHB   | 195,800     |
| 5  | FLC   | 107,000     | PVL   | 113,100     |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| VIC | 63.5       | 63.5     | ↗ 0.00%  | 4,137,950 |
| HQC | 6.2        | 5.9      | ↓ -4.84% | 2,865,450 |
| HAG | 21.6       | 21.2     | ↓ -1.85% | 2,856,760 |
| PVT | 6.0        | 5.8      | ↓ -3.33% | 2,266,350 |
| REE | 26.4       | 26.0     | ↓ -1.52% | 1,885,120 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| PVX | 4.8        | 4.6      | ↓ -4.17% | 2,514,005 |
| SCR | 7.0        | 6.8      | ↓ -2.86% | 2,322,000 |
| FLC | 5.4        | 5.2      | ↓ -3.70% | 2,269,100 |
| KLS | 8.5        | 8.3      | ↓ -2.35% | 1,981,805 |
| SHB | 6.7        | 6.6      | ↓ -1.49% | 1,837,834 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %       |
|-----|------------|----------|-----|---------|
| DCL | 16.3       | 17.4     | 1.1 | ↑ 6.75% |
| TV1 | 10.6       | 11.3     | 0.7 | ↑ 6.60% |
| DHM | 9.1        | 9.7      | 0.6 | ↑ 6.59% |
| DHC | 7.6        | 8.1      | 0.5 | ↑ 6.58% |
| VMD | 12.3       | 13.1     | 0.8 | ↑ 6.50% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| VE8 | 2.0        | 2.2      | 0.2 | ↑ 10.00% |
| DLR | 6.3        | 6.9      | 0.6 | ↑ 9.52%  |
| TMX | 8.4        | 9.2      | 0.8 | ↑ 9.52%  |
| DBT | 23.5       | 25.7     | 2.2 | ↑ 9.36%  |
| GMX | 13.2       | 14.4     | 1.2 | ↑ 9.09%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| PXM | 1.2        | 1.1      | -0.1 | ↓ -8.33% |
| PDR | 12.9       | 12.0     | -0.9 | ↓ -6.98% |
| VIS | 12.1       | 11.3     | -0.8 | ↓ -6.61% |
| VNI | 4.6        | 4.3      | -0.3 | ↓ -6.52% |
| CYC | 3.1        | 2.9      | -0.2 | ↓ -6.45% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| HHL | 0.8        | 0.7      | -0.1 | ↓ -12.50% |
| HBE | 5.0        | 4.5      | -0.5 | ↓ -10.00% |
| SHN | 1.0        | 0.9      | -0.1 | ↓ -10.00% |
| TAG | 50.0       | 45.0     | -5.0 | ↓ -10.00% |
| VC7 | 4.0        | 3.6      | -0.4 | ↓ -10.00% |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| VIC | 4,137,950 | 11.0% | 1,210 | 52.5 | 5.4 |
| HQC | 2,865,450 | 2.7%  | 283   | 20.8 | 0.6 |
| HAG | 2,856,760 | 3.6%  | 604   | 35.1 | 1.1 |
| PVT | 2,266,350 | 4.2%  | 461   | 12.6 | 0.5 |
| REE | 1,885,120 | 12.9% | 2,127 | 12.2 | 1.6 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|-----------|--------|---------|------|-----|
| PVX | 2,514,005 | -34.5% | (2,816) | -    | 0.8 |
| SCR | 2,322,000 | -0.3%  | (41)    | -    | 0.4 |
| FLC | 2,269,100 | 3.2%   | 565     | 9.2  | 0.3 |
| KLS | 1,981,805 | 1.9%   | 244     | 34.0 | 0.7 |
| SHB | 1,837,834 | -2.3%  | (266)   | -    | 0.6 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| DCL | ↑ 6.7% | 9.4%  | 2,317 | 7.5  | 0.7 |
| TV1 | ↑ 6.6% | 11.9% | 1,408 | 8.0  | 0.9 |
| DHM | ↑ 6.6% | 10.6% | 1,214 | 8.0  | 0.8 |
| DHC | ↑ 6.6% | 3.0%  | 402   | 20.1 | 0.6 |
| VMD | ↑ 6.5% | 8.0%  | 1,636 | 8.0  | 0.6 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VE8 | ↑ 10.0% | 0.4%  | 43    | 51.2 | 0.2 |
| DLR | ↑ 9.5%  | -1.4% | (197) | -    | 0.5 |
| TMX | ↑ 9.5%  | 7.6%  | 1,013 | 9.1  | 0.7 |
| DBT | ↑ 9.4%  | 15.1% | 4,289 | 6.0  | 0.9 |
| GMX | ↑ 9.1%  | 18.2% | 2,563 | 5.6  | 1.0 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| KHP | 95,940 | 20.8% | 2,756 | 4.6   | 1.0 |
| HPG | 84,190 | 14.9% | 3,005 | 10.3  | 1.4 |
| DIG | 77,430 | 0.3%  | 49    | 193.9 | 0.6 |
| BMI | 76,800 | 3.9%  | 1,168 | 10.5  | 0.4 |
| HAR | 60,610 | 4.4%  | 448   | 37.5  | 1.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE     | EPS     | P/E  | P/B   |
|-----|---------|---------|---------|------|-------|
| PVS | 232,600 | 18.6%   | 3,133   | 5.3  | 1.0   |
| STL | 221,600 | -149.9% | (8,379) | -    | (5.1) |
| APS | 150,000 | 0.5%    | 44      | 79.9 | 0.4   |
| PGS | 130,800 | 21.6%   | 4,445   | 4.3  | 0.8   |
| FLC | 107,000 | 3.2%    | 565     | 9.2  | 0.3   |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GAS | 119,385 | 42.1% | 6,141 | 10.3 | 3.8 |
| VNM | 118,361 | 40.4% | 7,294 | 19.5 | 7.0 |
| MSN | 64,168  | 6.5%  | 1,467 | 62.0 | 4.0 |
| VCB | 63,961  | 10.1% | 1,804 | 15.3 | 1.5 |
| CTG | 63,690  | 17.2% | 2,628 | 7.4  | 1.5 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| ACB | 14,744  | 3.1%  | 432   | 37.0  | 1.2 |
| SQC | 8,602   | 5.9%  | 726   | 107.8 | 6.3 |
| PVS | 7,371   | 18.6% | 3,133 | 5.3   | 1.0 |
| SHB | 5,848   | -2.3% | (266) | -     | 0.6 |
| VCG | 4,903   | 2.3%  | 267   | 41.6  | 0.9 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E   | P/B |
|-----|------|--------|---------|-------|-----|
| PPC | 2.18 | 35.0%  | 4,489   | 5.5   | 1.6 |
| OGC | 2.09 | 0.6%   | 69      | 147.7 | 0.9 |
| GMD | 2.06 | 4.8%   | 1,912   | 14.4  | 0.7 |
| KBC | 2.03 | -12.5% | (1,768) | -     | 0.5 |
| CSM | 1.94 | 31.2%  | 4,667   | 7.8   | 1.9 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| VCG | 3.15 | 2.3%   | 267     | 41.6 | 0.9 |
| SCR | 2.88 | -0.3%  | (41)    | -    | 0.4 |
| PVA | 2.84 | -75.1% | (6,080) | -    | 0.8 |
| DHL | 2.61 | 2.1%   | 216     | 19.5 | 0.4 |
| PVX | 2.58 | -34.5% | (2,816) | -    | 0.8 |



---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Người thực hiện:

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*